|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT** |  |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên học phần:** | Tổ chức xếp dỡ |
| **Tên tiếng Anh:** | Loading and unloading organization |
| **Số tín chỉ:** | 03 tín chỉ |
| **Mã học phần:** |  VKS49.3  |
| **Kết cấu học phần:**  |   |
| **Ngành đào tạo:**  |  Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải |

**1. Thông tin chung về học phần**

* Tên học phần: Tổ chức xếp dỡ
* Mã học phần: VKS49.3
* Ngành/chuyên ngành đào tạo: Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải.
* Bậc đào tạo: Đại học Hình thức đào tạo: chính quy tập trung
* Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Vận tải và kinh tế sắt
* Loại học phần: *Bắt buộc*
* Yêu cầu của học phần:
	+ Các học phần tiên quyết: Tên học phần: Nhập môn tổ chức vận tải đường sắt Mã học phần: VKS26.2
	+ Các học phần học trước: Tên học phần:…….. Mã học phần: ……
	+ Các học phần học song hành: Tên học phần:…….. Mã học phần: ……
	+ Các yêu cầu khác đối với học phần *(nếu có)*: projector, loa,…
* Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động (tiết học tín chỉ):

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lý thuyết | Thảo luận | Bài tập | Bài tập lớn | Thực hành | Thí nghiệm | Tự học |
| 30 | 15 | 15 |  |  |  |  |

**2. Mục tiêu của học phần**

 *2.1. Kiến thức*

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác xếp dỡ bao gồm các phương pháp xếp dỡ cơ giới, lựa chọn loại máy xếp dỡ, tổ chức xếp dỡ các loại hàng bao kiện, Container, hàng lỏng, hàng rời…phục vụ cho công tác vận tải.

 *2.2. Kỹ năng*

Giúp người học nhận biết, lựa chọn các loại máy xếp dỡ phù hợp với loại hàng tác nghiệp, xây dựng được phương án xếp dỡ hiệu quả

**3. Tóm tắt nội dung học phần (bằng tiếng Việt và tiếng Anh)**

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về khái niệm, phân loại các phương tiên xếp dỡ; cách thức xếp dỡ một số loại hàng trên các loại phương tiện vận chuyển.

**4. Nội dung chi tiết học phần (tên các chương, mục)**

Chương 1: Tổng quan về công tác xếp dỡ

Chương 2: Cơ giới hoá công tác xếp dỡ

Chương 3: Một số loại máy xếp dỡ điển hình

Chương 4: Tổ chức xếp dỡ hàng bao kiện

Chương 5: Tổ chức xếp dỡ Container

Chương 6: Tổ chức xếp dỡ các mặt hàng khác

**5. Thông tin về giảng viên**

* Họ và tên giảng viên phụ trách học phần thứ nhất:
	+ Chức danh, học hàm, học vị: TS. Nguyễn Thị Hoài An
	+ Thời gian, địa điểm làm việc:
	+ Địa chỉ liên hệ: P505 A9 - Đại học GTVT - số 3 - Cầu Giấy – Láng Thượng - Đống Đa – Hà Nội
	+ Điện thoại: 0983010802 email:
* Họ và tên giảng viên phụ trách học phần thứ hai:
	+ Chức danh, học hàm, học vị: ThS. Nguyễn Tiến Quý
	+ Thời gian, địa điểm làm việc:
	+ Địa chỉ liên hệ: P505 A9 - Đại học GTVT - số 3 - Cầu Giấy – Láng Thượng - Đống Đa – Hà Nội
	+ Điện thoại: 0983318600 email:

 - Các giảng viên khác phụ trách học phần: TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh, ThS. Vương Thị Hương Thu và các giảng viên khác của bộ môn.

**6. Học liệu:** *(giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)*

*6.1. Giáo trình/Bài giảng*

 - Tổ chức xếp dỡ - Nguyễn Việt Yên – 1978

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo ghi theo thứ tự ưu tiên*

- Cơ giới hoá tổ chức xếp dỡ. Grinhevich G.P.NXB Mockva 1993

- Cơ giới tổ chức xếp dỡ trong vận tải ô tô. Bati L.L.NXB Mockva 1989

- Sổ tay nghiệp vụ vận chuyển Container. Huỳnh Tấn Phát, Bùi Quang Hùng. NXB GT HCm 1998

**7. Hình thức tổ chức dạy và học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thứ tự chương mục | Nội dung | HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC |
| Giờ lên lớp |  |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành, thực tập | Thí nghiệm | Tự học, tự nghiên cứu |
|  | ***Bài mở đầu*** | ***1*** |  |  |  |  |  |
| ***Ch­ương 1*** | ***Tổng quan về công tác xếp dỡ*** | ***6*** | ***3*** | ***3*** |  |  | ***15*** |
| 1.1 | Vị trí vai trò của công tác xếp dỡ | 1 |  |  |  |  |  |
| 1.2 | Quá trình sản xuất của công tác xếp dỡ | 1 |  |  |  |  |  |
| 1.3 | Thời gian xếp dỡ | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 1.4 | Hệ thống kho, ke, bãi | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 1.5 | Phương tiện xếp dỡ | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 1.6 | Đường xếp dỡ | 1 |  |  |  |  |  |  |
| ***Ch­ương 2*** | ***Cơ giới hóa công tác xếp dỡ*** | ***5*** | ***3*** | ***3*** |  |  |  | ***15*** |
| 2.1 | Khái niệm về cơ giới hóa công tác xếp dỡ và máy xếp dỡ | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Các yêu cầu khi lựa chọn máy xếp dỡ |  |  |  |  |  |  |
| 2.3 | Các bộ phận và thông số chủ yếu của máy xếp dỡ | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2.4 | Xác định năng suất và số lượng máy xếp dỡ cần thiết | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2.5 | Các chỉ tiêu đánh giá mức độ cơ giới hóa công tác xếp dỡ và việc sử dụng máy xếp dỡ | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2.6 | Chế độ làm việc của máy xếp dỡ. | 1 |  |  |  |  |  |  |
| ***Ch­ương 3*** | ***Một số loại máy xếp dỡ điển hình***  | ***5*** | ***3*** | ***3*** |  |  |  | ***15*** |
| 3.1 | Máy xếp dỡ hoạt động theo chu kỳ | 3 |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 | Máy xếp dỡ hoạt động liên tục | 2 |  |  |  |  |  |  |
| ***Ch­ương 4*** | ***Tổ chức xếp dỡ hàng bao kiện*** | ***5*** | ***3*** |  |  |  |  | ***15*** |
| 4.1 | Đặc điểm và phân loại hàng bao kiện | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 4.2 | Mâm hàng  | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 4.3 | Tổ chức xếp dỡ hàng bao kiện tại các địa điểm xếp dỡ | 2 |  |  |  |  |  |  |
| 4.4 | Điều kiện an toàn khi xếp dỡ hàng bao kiện | 1 |  |  |  |  |  |  |
| ***Ch­ương 5*** | ***Tổ chức xếp dỡ Container*** | ***5*** | ***3*** | ***3*** |  |  |  | ***15*** |
| 5.1 | Khái niệm, cấu tạo và phân loại Container | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 5.2 | Bãi Container | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 5.3 | Tổ chức đóng rút hàng vào Container | 2 |  |  |  |  |  |  |
| 5.4 | Tổ chức xếp dỡ Container trên bãi | 1 |  |  |  |  |  |  |
| ***Chương 6*** | ***Tổ chức xếp dỡ các mặt hàng khác*** | ***3*** |  | ***3*** |  |  |  | ***15*** |
| 6.1 | Tổ chức xếp dỡ hàng rời | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 6.2 | Tổ chức xếp dỡ hàng lỏng | 2 |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** | **30** | **15** | **15** |  |  |  | **90** |

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau *(trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trưởng bộ môn thông qua)*:

8.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Thang điểm: 10/ Tỷ trọng 15%

* Đi học đầy đủ, đúng giờ 10%
* Chuẩn bị tốt phần tự học 5%

8.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (tỷ trọng 15%)

1. Kiểm tra giữa kỳ
	1. Hình thức: : Bài kiểm tra
	2. Điểm và tỷ trọng: Thang điểm: 10/ Tỷ trọng … %
2. Thí nghiệm, bài tập lớn, thảo luận, thực hành
	1. Hình thức: ….. (VD: báo cáo bài tập lớn)
	2. Điểm và tỷ trọng: Thang điểm: 10/ Tỷ trọng … %
3. Thi kết thúc học phần ( 70%)
	1. Hình thức: Thi viết
	2. Điểm và tỷ trọng: Thang điểm: 10/ Tỷ trọng …. %

**Duyệt**

**Hiệu trưởng Trưởng khoa** **Trưởng bộ môn**

*(Ký tên) (Ký tên)*  *(Ký tên)*